

Số: 277/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn  
khu vực biên giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 171.....
	Ngày: 11/2.....
	Chuyên:.....

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Công văn số 9185/BNN-VPĐP ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-VPĐPNTM ngày 21 tháng 01 năm 2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020 (gọi là Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới).

**Điều 2.** Phạm vi áp dụng.

Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới được áp dụng đối với 43 thôn của 08 xã đặc biệt khó khăn, đạt dưới 10 tiêu chí nông thôn mới khu vực biên giới trên địa bàn huyện A Lưới theo Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.

Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới là căn cứ để xây dựng và triển khai kế hoạch phân đấu thực hiện đối với các

thôn; là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện.**

1. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016-2020 chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018- 2020; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của tỉnh, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng và thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới; chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới quy định tại Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới khẩn trương tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng các thôn, xây dựng kế hoạch cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới giai đoạn 2019-2020; tổ chức đánh giá, xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới hằng năm theo đúng quy định tại Quyết định này.

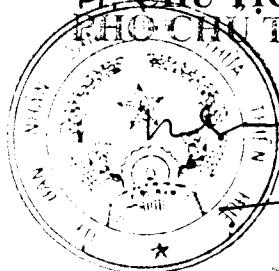
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- VP Điều phối CTXDNTM TW;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH;
- Lưu VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
H. CHỦ TỊCH  
PH. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

**Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của các xã đặc biệt khó khăn  
khu vực biên giới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 277 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

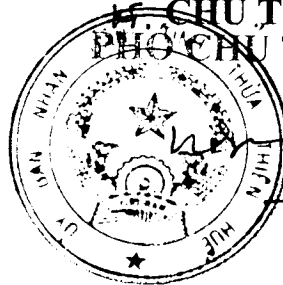
TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
<b>I</b>	<b>Nhóm tiêu chí về tổ chức cộng đồng</b>		
1	Ban Phát triển thôn	Có Ban Phát triển thôn được thành lập, kiện toàn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được Ủy ban nhân dân xã công nhận	Đạt
2	Quy ước, hương ước	Có quy ước, hương ước thôn được đại đa số (khoảng 95%) người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt
3	Kế hoạch thực hiện	Có kế hoạch thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới hàng năm và cả giai đoạn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Kế hoạch được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng	Đạt
<b>II</b>	<b>Nhóm tiêu chí thực hiện các hoạt động phát triển thôn</b>		
4	Kinh tế hộ	4.1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm) trên địa bàn thôn bản $\geq 70\%$ so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tại năm xét công nhận	2019: $\geq 23,1$ 2020: $\geq 25,2$
		4.2. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn, bản (trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định)	$\leq 15\%$
		4.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 30\%$
5	Mô hình sản xuất, kinh doanh	Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt
6	Môi trường và cảnh quan nông thôn	6.1. Có cảnh quan, không gian nông thôn xanh - sạch - đẹp; không có các hoạt động suy giảm môi trường, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt
		6.2. Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn, bản hoặc các khu, điểm dân cư tập trung (theo quy hoạch); có điểm tập kết rác thải chung đảm bảo vệ sinh trước khi thu gom	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
		6.3. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra đường	Đạt
		6.4. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn, bản hoặc tại các khu, điểm dân cư tập trung	Đạt
		6.5. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch	≥ 95% (trong đó 50% nước sạch)
		6.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 70%
		6.7. Mai táng theo quy hoạch và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh	Đạt
7	Văn hóa	Thôn được công nhận danh hiệu "Thôn văn hóa"	Đạt
8	Thông tin - Truyền thông	8.1. Có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động hiệu quả	Đạt
		8.2. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn có phương tiện nghe - xem để tiếp cận thông tin (tivi hoặc máy radio)	≥ 90%
9	Nhà ở	9.1. Tỷ lệ nhà tạm, nhà dột nát	≤ 3%
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt theo chuẩn quy định	≥ 75%
10	Giáo dục	10.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (ngoại trừ trẻ khuyết tật không thể đến trường), học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào trung học cơ sở	≥ 98%
		10.2. Có ít nhất 95% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2	Đạt
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
		11.2. Có ít nhất 01 nhân viên y tế thôn được đào tạo theo chương trình do Bộ Y tế quy định	Đạt
		11.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn thôn bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	≤ 26%
12	Hệ thống chính trị	12.1. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		12.2. Chi bộ đạt "Hoàn thành tốt nhiệm vụ"	Đạt
		12.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
		12.4. Chi bộ có nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới	Đạt
		12.5. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở	Đạt
13	An ninh trật tự	13.2. Không có điểm nóng về an ninh trật tự và tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội; không để phát sinh thêm người mắc tệ nạn trên địa bàn; không để xảy ra tội phạm từ nghiêm trọng trở lên	Đạt
		13.3. Thôn được công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”	Đạt
14	Cơ sở hạ tầng thiết yếu	14.1. Đường trục thôn: $\geq 85\%$ được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ( $\geq 60\%$ bê tông hóa)	Đạt
		14.2. Đường ngõ, xóm: $\geq 85\%$ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	
		14.3. Hệ thống điện trên địa bàn thôn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện	Đạt
		14.4. Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn thôn được được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$
		14.5. Các công trình thủy lợi trên địa bàn thôn bảo đảm $\geq 80\%$ diện tích chủ động nước tưới, tiêu đối với các cây trồng chủ lực ở các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch	Đạt
		14.6. Có nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định	Đạt

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương